

Bản án số: 538/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Vĩ Bửu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Sơn .

2. Bà Dương Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:

Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 651/2017/TLST – HNGĐ ngày 11/12/2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông H. Q. M, sinh năm 1978;

Địa chỉ: XX Thái Phiên, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: YY đường số 5B, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà B. T. H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: XX Thái Phiên, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: YY đường số 8, khu phố 6, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các biên bản lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, ông H. Q. M trình bày:

Ông M và bà H kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01 ngày 22/4/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống, giữa ông M và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên luôn xảy ra xung đột do không phù hợp về tính tình, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Ông M và bà H đã không còn chung sống với nhau hai năm nay, quan hệ hôn nhân trên thực tế không còn. Hiện giờ, ông M xác định tình cảm giữa ông và bà H không còn, không thể hàn gắn với nhau được nên ông M yêu cầu ly hôn với bà H để hai bên không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý.

Về con chung: Ông M và bà H có 03 (ba) con chung là:

- Trẻ H.T. N, nữ, sinh ngày 10/3/2003.
- Trẻ H.T. N, nữ, sinh ngày 12/10/2007.
- Trẻ H. C. B, nam, sinh ngày 21/9/2011

Khi ly hôn, ông M sẽ giao cả 03 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M cấp dưỡng nuôi con cho trẻ N (sinh năm 2003) là 4.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho trẻ N (sinh năm 2007) là 3.000.000 đồng/tháng và trẻ B là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn: Bà H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để Toà án lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà H đều vắng mặt nên Toà án không thể lấy lời khai của bà H được.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo về thời hạn tổng đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn, chưa đảm bảo thời hạn đưa vụ án ra xét xử và gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, đề nghị khắc phục.

- Về nội dung vụ án:

+ Yêu cầu ly hôn của ông M đối với bà H là có cơ sở nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

+ Về con chung: Ông M yêu cầu giao cả ba con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông M cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn”. Ông M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tại thời điểm Tòa án thụ

lý vụ án thì bà H có nơi cư trú tại Quận 11, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông M có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Bà H đã được Tòa án tổng đạt xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông M và bà H.

2. Xét yêu cầu của đương sự:

a) Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa ông M và bà H không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn tin tưởng đối với nhau. Ông M và bà H đã không còn chung sống với nhau, quan hệ hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại. Hiện giờ, ông M xác định không còn tình cảm với bà H và không thể hàn gắn với nhau nên yêu cầu được ly hôn với bà H.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà H trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài quan hệ hôn nhân này không còn ý nghĩa và không mang lại hạnh phúc cho hai bên. Do đó, việc ông M yêu cầu ly hôn với bà H là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M.

Về con chung: Ông M yêu cầu giao cả 03 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M cấp dưỡng nuôi con cho trẻ N (sinh năm 2003) là 4.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho trẻ N (sinh năm 2007) là 3.000.000 đồng/tháng và trẻ B là 3.000.000 đồng/tháng, tổng cộng là 10.000.000 đồng/tháng cho cả ba trẻ.

Căn cứ lời khai của ông M tại Bản tự khai ngày 28/12/2017 tại Tòa án thì trẻ N (sinh năm 2003), trẻ N (sinh năm 2007) và B hiện nay đang ở với bà H nên ông M tiếp tục giao các con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho các con có cuộc sống và học tập, sinh hoạt ổn định.

Căn cứ Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 09/4/2018 tại Tòa án nhân dân Quận 11 của trẻ N (sinh năm 2003) và trẻ N (sinh năm 2007) đều nêu nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì muốn được sống với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông M yêu cầu giao cả ba con chung cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và ông M cấp dưỡng nuôi con như trên là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận yêu cầu này của ông M.

* Về tài sản chung và nợ chung: Ông M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

b) Về phía bị đơn: Theo Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

(...) Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ...”

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà H đã không đến Tòa án để cung cấp lời khai và cũng không nêu yêu cầu gì. Đồng thời, bà H cũng không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập cho bà H tại các buổi lấy lời khai, các phiên hòa giải và trong các phiên tòa xét xử, tuy nhiên bà H đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ bà H không có thiện chí muốn tiếp tục chung sống với ông M và chấp nhận ly hôn với ông M.

Tòa án nhân dân Quận 11 cũng đã tổng đạt hợp lệ Thông báo số 651/TB-TA ngày 10/8/2018 của Tòa án cho bà H về việc thông báo cho bà H biết toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông M, trong đó nêu rõ việc ông M sẽ giao cả 03 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông M sẽ cấp dưỡng nuôi con cho trẻ N (sinh năm 2003) là 4.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho trẻ N (sinh năm 2007) là 3.000.000 đồng/tháng và trẻ B là 3.000.000 đồng/tháng, tổng cộng là 10.000.000 đồng/tháng cho cả ba trẻ. Bà H đã trực tiếp nhận được thông báo trên của Tòa án và đã không có ý kiến gì về vấn đề này chứng tỏ bà H chấp nhận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của ông M. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cả 03 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở.

3. Về án phí: Ông M chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông H Q M. Ông H Q M được ly hôn với bà B T H.

Giấy chứng nhận kết hôn số số xx, quyển số 01 ngày x/y/2002 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đối với 03 (ba) con chung là: Trẻ H T N, nữ, sinh ngày 10/3/2003; trẻ H T N, nữ, sinh ngày 12/10/2007 và trẻ H C B, nam, sinh ngày 21/9/2011.

Ông M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho trẻ Nhi (sinh năm 2003) là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/tháng, cấp dưỡng cho trẻ N (sinh năm 2007) là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng và cấp dưỡng cho trẻ B là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 01 Dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện kể từ ngày 01/11/2018 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Ông M chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do ông M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004720 ngày 07/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông M chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS-TAND TP.HCM;
- VKSND Q.11;
- CCTHADS Q.11;
- UBND P14, Q.5;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Vĩ Bửu